TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST.
Ngày 25/8/2022.
"V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Đỗ Huy Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/8 và 25/8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-DS ngày 30/6/2021, về việc *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-DS ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương T, sinh năm 1974 (Có mặt) và bà Lưu K.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà K: Ông Dương T (có mặt), theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/6/2021.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ V, sinh năm 1956 (Có mặt) và bà Phan N, sinh năm 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/01/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương T trình bày:

Vào ngày 09/3/1999, vợ chồng ông có chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ V và bà Phan N một phần đất một công tầm cấy, phần đất có bề ngang là 18m, dài 72m, chiều dài tính từ mé sông đến giáp phần đất ông L hiện nay, bao gồm luôn cả con lộ băng ngang hiện nay, chuyển nhượng với giá 30 chỉ vàng 24k, hai bên có làm giấy sang đất viết tay. Ngày 09/7/2001 ông đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất thửa số 629, tờ bản đồ số 06, có diện tích 1.304m^2. Đến ngày 21/02/2003 vợ chồng ông tiếp tục chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ V phần đất có chiều ngang 06m, chiều dài 72m cũng tính từ mé sông đến giáp phần đất của ông L, hai bên cũng có làm giấy tay, với giá 18 chỉ vàng 24k. Ngày 05/6/2006 ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất gồm hai thửa là thửa số 686, diện tích 120m^2 và thửa số 685, diện tích 201,95m^2. Chiều ngang mặt giáp lộ đal hiện nay ông sử dụng đã đủ 24m, nhưng còn chiều dài đo thiếu không đủ 72m và chiều ngang phía sau giáp phần đất ông L thì ông vẫn chưa sử dụng đủ chiều ngang 24m.

Đến ngày 27/4/2015 ông được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N cấp lại giấy chứng nhận QSD đất thửa số 18, diện tích 1.470,9m^2 là hợp từ ba thửa đất số 629, 685, 686. So với giấy tay chuyển nhượng đất năm 1999 và năm 2003 mà vợ chồng ông V đã chuyển nhượng cho ông thì ông V vẫn chưa giao đủ đất cho ông. Ông thừa nhận hai lần chuyển nhượng QSD đất của ông V thì đều do ông là người đi làm thủ tục chuyển tên QSD đất từ tên ông V sang tên ông. Nhưng lúc đó khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì ông cũng gấp đem thế chấp ngân hàng để vay tiền nên cũng không để ý đến diện tích được cấp là không đủ so với giấy tay chuyển nhượng.

Khi ông Vân chuyển nhượng đất cho ông thì hai bên giao đất có tiến hành cậm cây làm ranh, mặt trước giáp lộ thì có cậm ranh nhưng mặt sau giáp đất ông L thời điểm hai bên chuyển nhượng đất toàn bụi rậm nên không có cậm ranh. Phần đất ông chuyển nhượng của vợ chồng ông V hiện nay ông cất nhà ở và có xây dựng nhà máy xây xát hiện nay đã không còn hoạt động. Ông sử dụng phần đất ông V chuyển nhượng có hàng rào giáp ranh với đất ông V thì ông có cậm đỡ một số cột xi măng và rào một phần lưới B40 để chặn nuôi gà vịt, chứ không phải làm ranh đất giữa hai bên. Từ lúc chuyển nhượng đất đến nay thì ông V vẫn chưa giao đủ cho ông phần đất phía giáp đất ông L chiều ngang là 06m theo như hình tam giác đã tiến hành đo đạc. Ông cũng không phát hiện ông V giao đất thiếu cho ông nhưng năm 2020 giữa ông và ông V có xích mích, đến khi địa chính Phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xuống đo đạc lại phần đất thì ông mới phát hiện đất của ông bị thiếu so với hai lần chuyển nhượng đất được ghi trong giấy chuyển nhượng đất viết tay năm 1999 và 2003.

Theo đơn kiện thì ông yêu cầu vợ chồng ông V giao trả cho ông thêm phần đất có diện tích 362m^2 thuộc thửa đất số 18 do ông đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông thống nhất phần đất giao thiếu cho ông là hình tam giác theo diện tích đo đạc thực tế mà cán bộ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N đã cung cấp, diện tích thực tế là 165,4m^2 thuộc thửa đất số 17 (thửa đất cũ là số 628), tờ bản đồ số 69 (tờ bản đồ cũ số 06), đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do bà Phan N đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Đỗ V và bà Phan N giao phần đất này thêm cho vợ chồng ông để đủ với diện tích chuyển nhượng hai lần theo giấy tay sang đất đã lập ngày 09/3/1999 và ngày 21/02/2003.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ V trình bày:

Năm 1998 thì vợ chồng ông có chuyển nhượng cho ông Lưu M là cha vợ của ông Dương T một công tầm cấy đất, diện tích 1.300m^2, chuyển nhượng với giá 30 chỉ vàng 24k. Sau đó ông M cho vợ chồng ông T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất nhưng khi địa chính đo đạc làm giấy cấp cho ông T diện tích đến 1.304m^2 là dư 4m^2 ông cũng chịu, không có thỏa thuận bán ngang 18m, dài 72m. Phần đất bán cho ông T nó bị xéo, bán đất cho ông T chiều dài tính từ mé sông đến hết đất ông, giáp phần đất của ông L, chiều ngang đúng là 18m. Sau đó do đất xéo thì bên ông T có mua thêm của ông phần đất một đầu ngang trước mặt lộ là 06m, mặt sau giáp đất ông L không có mét nào, chạy dài từ trước ra sau, cái bụng chính giữa thì nó bự ra cho vuông miếng đất ông T lại, thống nhất bán với giá 18 chỉ vàng như ông T trình bày. Khi bán lần hai thì không có làm giấy tờ gì hết. Khi thỏa thuận bán đất thì kêu địa chính xuống cắt chuyển tên cho ông T. Hai lần làm giấy chứng nhận QSD đất đều do ông R tự cầm giấy chứng nhận QSD đất của ông đi làm, ông T làm xong thì giao trả giấy lại cho ông.

Hai bên đã sử dụng đất ổn định, vợ chồng ông T đã làm hàng rào đối với phần đất giáp đất vợ chồng ông đang ở và rào lưới B40, đã sử dụng hơn 20 năm nay. Vợ chồng ông đã giao đủ đất cho vợ chồng ông T sử dụng và cũng đã ký tên cho vợ chồng ông T được đứng tên các phần đất chuyển nhượng theo quy định. Hai bên đã giao đủ đất và đủ vàng sang đất nên việc vợ chồng ông T yêu cầu giao thêm phần đất hình tam giác khi đoàn đo đạc xuống đo đất thì vợ chồng ông không có đồng ý. Ngoài ra, ông xác định theo hai giấy sang đất viết tay bị đơn ông T cung cấp không phải chữ ký của ông và vợ ông chỗ người sang đất.

Phần đất tranh chấp giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông T thuộc một phần thửa đất số 628 (thửa đất mới số 17) do vợ ông là bà Phan N đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Trước khi Tòa án mở phiên tòa thì bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 628 vợ chồng ông có gửi giữ tại ngân hàng VN chi nhánh thị xã N để đảm bảo thủ tục vay tiền ngân hàng. Đến ngày 02/8/2022 thì vợ chồng ông đã làm thủ tục trả tiền cho ngân hàng và lấy về bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất tranh chấp, hiện nay vợ chồng ông đang giữ bản chính.

3/ Tại phiên tòa bị đơn bà Phan N trình bày: Việc chuyển nhượng đất thì bà cũng thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Đỗ V. Vợ chồng ông T đã nhận đủ đất và sử dụng mấy chục năm nay không tranh chấp, nay nói giao đất không đủ, yêu cầu giao thêm là vợ chồng bà không đồng ý. Ngoài ra, bà đều thống nhất lời trình bày của ông V.

4/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS. Riêng về người đại diện ngân hàng VN là

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng hiện nay vợ chồng ông V đã làm thủ tục lấy bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất tranh chấp về giữ, thì đề nghị Hội đồng xét xử xác định ngân hàng VN không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T và bà Lưu K. Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn ông V và bà N giao trả diện tích 165,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 628 (thửa đất mới số 17), đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định lại tư cách đương sự: Tòa án xác định ngân hàng VN là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất các đương sự đang tranh chấp thuộc thửa đất số 628 (thửa mới số 17) cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phan N. Ngày 02/8/2022 bà N đã cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 628 có chứng thực tại UBND Phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng ngày 02/8/2022 và tại phiên tòa các bị đơn cũng trình bày đã làm thủ tục trả tiền ngân hàng và lấy bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 628 về giữ, không còn gửi tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay nữa đồng thời có trình lên bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 628 cho Hội đồng xét xử xem. Do đó, Tòa án xác định ngân hàng VN không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.2] Xét về yêu cầu thay đổi của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ông T và bà K yêu cầu các bị đơn trả phần đất 362m^2 thuộc thửa đất số 18 do ông đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông thay đổi yêu cầu các bị đơn trả đất theo diện tích thực tế là 165,4m^2 thuộc thửa đất số 17 (thửa đất cũ là số 628), tờ bản đồ số 69 (tờ bản đồ cũ số 06), đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do bà Phan N đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Nhận thấy, đối tượng các bên tranh chấp là tại một phần thửa đất số 628 (thửa đất mới số 17), diện tích đo đạc thực tế là 165,4m^2. Các đương sự cũng thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết tranh chấp tại phần đất này cho dứt điểm tranh chấp. Nên việc thay đổi đơn khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa là không vượt quá phạm vi khởi kiện theo khoản 1 Điều 244 của BLTTDS năm 2015 được chấp nhận.

Về nội dung vụ án

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T yêu cầu ông Đỗ V, bà Phan N cùng có trách nhiệm giao thêm phần đất diện tích 165,4m^2 thuộc thửa đất số 628 (thửa đất mới số 17), tờ bản đồ số 06 (tờ bản đồ mới số 69), loại đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 165,4m^2 thuộc thửa đất số 628 (thửa đất mới số 17), tờ bản đồ số 06 (tờ bản đồ mới số 69), loại đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận QSD đất do bà Phan N đứng tên. Nguồn gốc phần đất này là của ông Đỗ V. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Nguyên đơn ông T cho rằng: Vào ngày 09/3/1999, vợ chồng ông có chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ V và bà Phan N một phần đất một công tầm cấy, ngang 18m, dài 72m. Ngày 09/7/2001 ông đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 629, tờ bản đồ số 06, có diện tích 1.304m^2. Đến ngày 21/02/2003 vợ chồng ông tiếp tục chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ V phần đất có chiều ngang 06m, chiều dài 72m, hai bên cũng có làm giấy tay. Ngày 05/6/2006 ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất gồm hai thửa là thửa số 686, diện tích 120m^2 và thửa số 685, diện tích 201,95m^2. Đến ngày 27/4/2015 ông được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N cấp lại giấy chứng nhận QSD đất thửa số 18, diện tích 1.470,9m^2 là hợp từ ba thửa đất số 629, 685, 686. Năm 2020 do địa chính phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xuống đo đạc đất thì ông mới phát hiện là phần đất của ông còn thiếu diện tích so với giấy tay hai lần chuyển nhượng QSD đất của ông V.

[2.3] Tại phiên tòa thì ông T và V đều thừa nhận hai lần chuyển nhượng QSD đất thì các bên đã tiến hành giao nhận đất để sử dụng từ khi thỏa thuận chuyển nhượng. Ông V đưa bản chính giấy chứng nhận QSD đất cho ông T tự đi làm thủ tục tách QSD đất từ tên ông V sang tên ông T.

[2.4] BĐ ông V và bà N cho rằng khi chuyển nhượng lần đầu diện tích một công tầm cấy thì miếng đất bị xéo nên khi chuyển nhượng lần hai thì chỉ chuyển nhượng phần cái bụng và mặt trước 06m, phía sau giáp đất ông L không có mét nào, điều chỉnh thửa đất của ông T cho nó vuông lại khi sử dụng đất.

[2.5] Mặc dù nguyên đơn ông T có cung cấp giấy sang đất viết tay lập ngày 15/02/2003 có nội dung chuyển nhượng ngang 06m, dài 72m. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của thửa đất số 685, diện tích 201,95m^2 và thửa đất số 686, diện tích 120m^2 mà nguyên đơn ông T cung cấp thì thời điểm chuyển nhượng năm 2003, đến năm 2006 ông T làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận QSD đất sang tên ông thì được cấp hai thửa đất 685, 686 nêu trên. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất thì có tiến hành đo đạc thẩm định vị trí các phần đất chuyển nhượng giữa ông V và ông T. Đồng thời ông V và ông T cũng thống nhất ký lại hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với phần đất tách thửa 685, diện tích chuyển nhượng thống nhất là 201,95m^2 có kèm theo hình thể, số đo các cạnh của thửa đất được cấp; thửa đất số 686, diện tích chuyển

nhượng thống nhất là 120m^2 có kèm theo hình thể, số đo các cạnh của thửa đất được cấp.

[2.6] Năm 2011 thì nguyên đơn ông T cũng đã thống nhất làm đơn và hồ sơ xin được nhập ba thửa đất số 629, 685, 686 thành một thửa đất đồng thời xin chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất khác lên đất ở một phần của thửa đất số 18. Ngày 27/4/2015 nguyên đơn ông T và bà K đã được UBND thị xã N cấp lại giấy chứng nhận QSD đất thửa số 18, diện tích 1.470,9m^2. Khi làm thủ tục nhập ba thửa đất lại với nhau thì có điều chỉnh diện tích cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 18 cấp cho ông T thì ông T cũng thống nhất điều chỉnh diện tích đất, các bên đều ký giáp ranh thửa đất khi cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông T, bà K. Từ lúc chuyển nhượng đất đến nay thì phía ông T và ông V cũng đã thống nhất ranh đất, các bên đã sử dụng đất ổn định.

[2.7] Theo biên bản làm việc cắm ranh giữa bà Phan N, ông Đỗ V và ông Dương T lập ngày 11/8/2020 của UBND Phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng lập thì giữa ông T và vợ chồng ông V cũng đã thống nhất ranh đất là hàng cột trụ đá bên ông T làm ranh, ranh đất hai bên là một đường thẳng, không có điểm cong.

[2.8] Bị đơn ông V và bà N cho rằng đã giao đủ phần đất hai lần chuyển nhượng cho vợ chồng ông T và không đồng ý giao đất thêm theo yêu cầu của ông T và bà K.

[2.9] Từ những phân tích nêu trên, ông T và bà K căn cứ vào hai giấy tay chuyển nhượng lập ngày 09/3/1999 và ngày 15/02/2003 thỏa thuận việc chuyển nhượng QSD đất giữa các bên để yêu cầu phía bên bị đơn ông V, bà N giao thêm phần đất tranh chấp diện tích 165,4m^2 nêu trên là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí thẩm định, định giá: 5.398.061 đồng. Do ông T, bà K không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông T và bà K phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T đã nộp xong số tiền này.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn ông T và bà K phải liên đới chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương T và bà Lưu K về việc yêu cầu ông Đỗ V và bà Phan N giao trả thêm quyền sử dụng đất.

Phần đất ông Dương T và bà Lưu K yêu cầu ông Đỗ V và bà Phan N trả lại quyền sử dụng đất không được chấp nhận có diện tích 165,4m^2, thuộc một phần thửa đất số 628 (thửa mới số 17), tờ bản đồ số 06 (tờ bản đồ mới số 69), đất tọa lạc khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, loại đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phan N. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất thửa số 628 (thửa mới số 17), có số đo: 55,62m

Hướng Tây giáp phần đất thửa số 18, có số đo: 56,89m

Hướng Nam giáp lộ đal, có số đo: 00m

Hướng Bắc giáp phần đất thuộc thửa đất số 13, có số đo: 5,99m

Kèm theo bản án là Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

2.1/ Về chi phí thẩm định, định giá: 5.398.061 đồng (Năm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi mốt đồng). Ông Dương T và bà Lưu K phải chịu số tiền này và đã nộp xong.

2.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Dương T và bà Lưu K cùng liên đới chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001009 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Dương T và bà Lưu K đã nộp xong tiền án phí.

+ Ông Đỗ Dương T và bà Lưu K không phải chịu án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng